

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST

Ngày: 09-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Duy Phước và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Ngọc B; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam; **Sinh ngày** 02/12/1976, tại Phù Cát, B Định. **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không. **Nghề nghiệp:** Buôn bán; **Trình độ học vấn:** 5/12. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. **Cha:** Đoàn B2, sinh năm 1949; **Mẹ:** Trần B1, sinh năm 1950. Cùng trú tại Thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh B Định. **Vợ:** Tăng B3, sinh năm 1978, làm nông và cư trú tại Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Võ V; **Tên gọi khác:** Không; **Giới tính:** Nam; **Sinh ngày** 15/8/1968, tại S, B Định. **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không. **Nghề nghiệp:** Buôn bán – **Trình độ học vấn:** 5/12; **Nơi thường trú:** thôn Kiên Long, xã B Thành, huyện S, tỉnh B Định. **Chỗ ở hiện nay:** Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. **Cha:** Võ V1, sinh năm 1937 (đã chết); **Mẹ:** Nguyễn V2, sinh năm 1939. Trú tại Thôn Kiên Long, xã B Thành, huyện S, tỉnh B Định. **Vợ:** Nguyễn V3, sinh năm 1971, Hiện đang làm nghề bán bánh bao và cư trú tại Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc B:* Ông Nguyễn Thành T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai, Chi nhánh số 2.

Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị H: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. (Là chồng bị hại). Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ V là chủ cơ sở sản xuất bánh bao tại Tổ 5, phường S, thị xã A. Vào năm 2003, Đoàn Ngọc B đến xin Võ V đi bán bánh bao cho V, do thấy hoàn cảnh gia đình B khó khăn nên V đồng ý. Thời gian từ năm 2003 cho đến ngày 26/01/2024, Võ V giao xe ba bánh tự chế cho Đoàn Ngọc B sử dụng đi bán bánh bao và được V trả tiền theo hình thức sản phẩm (*bán bánh loại 5000 đồng ông B được hưởng 2000 đồng, bán bánh loại 7000 đồng ông B được hưởng 2000 đồng, bán bánh loại 10.000 đồng ông B được hưởng 3000 đồng*) và đến cuối ngày B có trách nhiệm mang xe ba bánh tự chế trả lại cho V và để tại nhà V quản lý.

Như thường lệ, khoảng 4 giờ sáng ngày 26/01/2024, sau khi V chuẩn bị xe ba bánh tự chế, bánh bao cùng các dụng cụ thì B đến lấy bánh bao đưa lên xe rồi đi bán. Đến khoảng 7 giờ 30 cùng ngày, Đoàn Ngọc B điều khiển xe lưu thông trên Tỉnh lộ 669, hướng A - K và xe ba bánh có mở loa phát nhạc. Khi đến gần nơi giao nhau giữa đường Tỉnh lộ 669 và đường liên thôn Tú Thủy 1, thuộc Km 15 + 250 tỉnh lộ 669, thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, Gia Lai (*là đoạn đường cong về phía bên trái*), vừa điều khiển xe B vừa nhìn sang lề đường bên trái để xem có người mua bánh bao không. Cùng lúc này, bà Nguyễn Thị H điều khiển xe đạp lưu thông trên đường liên thôn Tú Thủy 1, hướng đi từ đường liên thôn Tú Thủy 1, xã Tú An ra Tỉnh lộ 669 rẽ trái đi theo hướng K – A. Khi xe đạp do bà H điều khiển đã sang hết phần đường bên phải theo hướng A – K, xe ba bánh do Đoàn Ngọc B điều khiển chạy đến, phần vị trí đầu nhíp giảm xóc trước bên trái va chạm vào bên trái xe đạp do bà H điều khiển, đẩy bà H cùng với xe đạp trượt 1,30 mét, bà H ngã xuống đường, xe đạp bà H tiếp tục văng trúng vào xe mô tô 81F4 - 3939 do bà Lê Thị L đang điều khiển lưu thông theo hướng K - A vừa chạy đến làm bà Liệu và xe mô tô ngã xuống nhưng không bị thương tích, xe mô tô cũng không hư hỏng gì. Xe ba bánh do Đoàn Ngọc B điều khiển trượt trên mặt đường 4,80m.

Sau tai nạn, bà Nguyễn Thị H được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế thị xã A, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B Định điều trị đến 05 giờ 20 phút ngày 27/01/2024 tử vong.

Sau khi tai nạn xảy ra các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định:

Nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thuộc giao lộ giữa đường Tỉnh lộ 669 và đường liên thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đường Tỉnh lộ 669 cong về bên trái tính theo hướng đi A - K, mặt đường được rải đá nhựa V phẳng rộng 6,20m được áp dụng cho phương tiện lưu thông hai chiều, phân cách V vạch sơn màu vàng rộng 0,10m liên tục. Làn đường dành cho phương tiện lưu thông theo hướng đi từ A đến K rộng 3,15m. Mặt đường liên thôn Tú Thủy 1 được rải đá xi măng V phẳng rộng 2,90m áp dụng cho phương tiện lưu thông hai chiều. Bên trái mép đường tỉnh lộ 669 tính theo hướng A đi K là đoạn đường thi công rộng 2,30m, sâu so với mặt đường tỉnh lộ 669 là 0,20m.

- Việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên từ (1) đến (5). Chọn mép đường trái của đường tỉnh lộ 669 theo hướng đi A - K làm chuẩn.

(1) Vết cày dài 4,80 m, có chiều hướng từ A đến K. Đo từ đầu vết đến điểm cố định là 10m, đến mép đường là 2,72m; Cuối vết kết thúc tại mặt ngoài, sau cùng bộ phận giảm thanh xe ba gác máy, cách mép đường 1,70m.

(2) Xe đạp nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe quay hướng lề phải đường tỉnh lộ 669, đuôi xe quay hướng lề trái đường tỉnh lộ 669; Đo từ tâm trục bánh trước đến mép đường là 1,62m, đến đầu vết cày là 1,30m; Đo từ tâm trục bánh sau cách mép đường là 0,48m.

(3) Xe mô tô 81F4-3939 nằm ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay hướng A, đuôi xe quay hướng K. Đo tâm trục bánh sau đến tâm trục bánh sau xe đạp là 1,20m, đến mép đường là 0,14m. Đo từ tâm trục bánh trước đến mép đường là 0,45m.

(4) Xe ba gác máy không có biển số, nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe quay hướng đi K, đuôi xe quay hướng đi A. Đo từ tâm trục bánh sau đến tâm trục bánh sau xe mô tô 81F4-3939 là 3,35m, đến mép đường là 1,10m. Đo từ tâm trục bánh sau đến điểm cố định là 10,90m.

(5) Vùng mảnh vỡ có diện (1x1)m. Đo từ tâm đến tâm trục bánh trước bên phải xe ba gác máy là 0,70m, đến mép đường là 1,18m.

Bên lề đường phải của đường tỉnh lộ 669 theo hướng A đi K có một biển báo hiệu nguy hiểm số W201a (*Biển báo chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái*). Đo từ trụ biển báo W201a đến đầu vết cày là 120m.

Tiến hành khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, kết quả như sau:

- Đối với xe ba bánh: Màu xanh đen, trên thùng xe phía trước có một hình hộp chữ nhật V kính đưng bánh bao.

+ Thùng xe được thiết kế phía trước, hệ thống máy đẩy phía sau.

+ Hộp kính đưng bánh bao bị bể vỡ, hư hỏng hoàn toàn.

+ Đầu nhíp giảm sóc trước bên trái có vết dính chất màu xanh (dạng sơn), vết có diện (0,02x0,01)m, vết có chiều hướng từ phải qua trái, từ trước ra sau.

+ Đầu trục bánh trước, bên phải có vết mài mòn kim loại, vết có diện

(0,03x0,03)m.

+ Mặt ngoài phía sau cùng của bộ phận giảm thanh có vết mài mòn kim loại, vết có diện (0,04x0,02)m.

- Đối với xe đạp: Màu sơn xanh, nhãn hiệu Mingoi, chiều dài 1,70m, chiều cao 1,16m, chiều rộng 0,56m.

+ Ghi đông xe bị gãy, xoay quanh vị trí định vị với cổ xe.

+ Giỏ phía trước đầu xe bị rách diện (0,25x0,10)m.

+ Đầu tay lái bên trái có vết mài mòn cao su, vết có diện (0,02x0,02)m.

+ Đầu tay lái bên phải có vết mài mòn cao su, vết có diện (0,02x0,02)m.

+ Mặt ngoài bên trái khung xe trên có dính chất màu xanh (dạng sơn) vết có diện (0,045x0,01)m, có chiều hướng từ trước ra sau, cuối vết cách mặt đất 0,41m, cách đầu tâm trục bánh sau bên trái 0,51m.

+ Mặt ngoài bên trái khung dưới có vết mài mòn kim loại, bong tróc sơn, vết có diện (0,08x0,02)m; Vết có chiều hướng từ trước ra sau; Đo từ đầu vết xuống đất là 0,31m, đến tâm đầu trục bánh sau bên trái là 0,57m; cuối vết cách mặt đất 0,29m.

+ Mặt trước khung trụ đứng có vết mài mòn kim loại, vết có diện (0,025x0,002)m; Vết có chiều hướng từ phải qua trái, từ trước ra sau; Cuối vết cách mặt đất 0,43m, cách đầu tâm trục bánh sau bên trái là 0,40m.

+ Yên xe bị lệch về bên trái, lệch so với vị trí định vị ban đầu 0,10m; Cạnh bên phải yên xe có vết mài mòn cao su diện (0,20x0,05)m.

+ Góc chân sau bên phải bị cong vênh, có chiều hướng từ trên xuống dưới, lệch so với vị trí định vị ban đầu là 0,065m, mặt trên bị mài mòn nhựa diện (0,07x0,03)m.

+ Đầu bàn đạp bên phải có vết mài mòn nhựa diện (0,06x0,025)m.

+ Vành bánh xe sau bị cong vênh biến dạng.

+ Khung sắt bên trái của chân chống xe bị cong đầy lệch về sau, lệch so với vị trí định vị ban đầu 0,10m.

- Đối với xe mô tô 81F4-3939, nhãn hiệu City, loại xe nữ, màu sơn nâu, số máy CT100E1755070, số khung CT100DXC738260, chiều dài 1,90m, chiều cao 1,00m; chiều rộng 0,64m: Đầu gác chân trước bên phải có vết mài mòn cao su, vết có diện (0,04x0,015)m.

Tại Bản Kết luận giám định tử thi số 190/KLGĐTT-KTHS ngày 15/02/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị H: Chấn thương ngực kín.

Tại Bản Kết luận giám định số 355/KI-KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Xe mô tô ba bánh gửi đến giám định không có số khung, vị trí đóng số máy bị mài mòn, không xác định được số máy nguyên thủy.

Tại Bản Kết luận giám định số 356/KI-KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Dung tích xi lanh xe mô tô ba bánh gửi

đến giám định là: 96,96cm³.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự kết luận về giá của các tài sản như sau:

+ Tại thời điểm ngày 26/01/2024, 01 đập màu sơn xanh, nhãn hiệu Mingoi, dài 1,7m, cao 1,16m, rộng 0,56m bị hư hỏng do tai nạn giao thông thiệt hại 783.300 đồng (*Bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng*).

+ Tại thời điểm ngày 26/01/2024, 01 xe ba gác máy màu xanh đen, thùng xe có hình hộp chữ nhật V kính đựng bánh bao bị hư hỏng do tai nạn giao thông thiệt hại 510.000 đồng (*Năm trăm mười nghìn đồng*).

Tại Công văn số 561/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 08/3/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai trả lời loại phương tiện như sau: Theo tài liệu được cung cấp, phương tiện theo Công văn số 79/CQCSĐT-ĐTTH ngày 20/02/2024 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã A là xe tự chế 3 bánh.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ:

- 01 (một) xe đập màu sơn xanh, nhãn hiệu Mingoi.
- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 81F4-3939, nhãn hiệu City, loại xe nữ, màu sơn nâu, số máy CT100E1755070, số khung CT100DXC738260.
- 01 (một) xe ba gác máy không có biển số (*Dạng xe tự chế*).

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe đập và xe mô tô 81F4-3939 cho chủ sở hữu, còn xe ba gác không có biển số đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an thị xã.

Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Ngọc M yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Bị cáo Đoàn Ngọc B đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho đại diện bị hại. Ông Trần Ngọc M đã nhận tiền và viết đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm. Như vậy, phần dân sự giải quyết xong.

Tại Bản cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Bị cáo Đoàn Ngọc B về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Võ V về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc B về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Võ V về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 36 đến 48 tháng.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V.

Về dân sự: Hai bên đã bồi thường xong, Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe ba gác không có biển số.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đại diện viện kiểm sát kết luận, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh, khung hình phạt và loại hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị; không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất trong khoản đề nghị của Đại diện viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện hợp pháp của bị hại ông Minh tại phiên tòa cho biết bị cáo đã bồi thường xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm và cũng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Phái, Tăng Thị Châu Trinh đều cho biết họ không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án, nên Hội đồng xét xử không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong bản án.

Tại phiên tòa người làm chứng là chị Liệu xác nhận bị cáo B chính là người điều khiển xe ba gác máy gây ra tai nạn cho bà H vào sáng ngày 26/01/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Đoàn Ngọc B chưa được học và cấp giấy phép lái xe (hạng A3). Ngày 26/01/2024, bị cáo B sử dụng xe cơ giới tự chế không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ, không có giấy

phép lái xe theo quy định, khi đến đoạn đường cong về bên trái có biển báo hiệu nguy hiểm nhưng không giảm tốc độ và chú ý quan sát, điều khiển xe ba bánh tự chế lưu thông giữa phần đường và làn đường ngược chiều nên dẫn đến xe ba bánh tự chế va chạm vào xe đạp do bà Nguyễn Thị H điều khiển. Hậu quả làm bà Nguyễn Thị H tử vong. Hành vi của Đoàn Ngọc B đã vi phạm khoản 4, khoản 9, khoản 23, Điều 8, khoản 1, Điều 9 và khoản 1, Điều 11 Luật Giao thông đường bộ. Gây tai nạn làm chết 01 (một) người là hậu quả nghiêm trọng. Như vậy bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Võ V là chủ sở hữu xe ba bánh tự chế nêu trên, bị cáo V biết xe ba bánh là xe tự chế nhưng phương tiện này vẫn xem là xe cơ giới, xe không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bị cáo biết rõ Đoàn Ngọc B không có giấy phép lái xe ba bánh theo quy định (hạng A3) nhưng vẫn giao xe cho B điều khiển tham gia giao thông gây tai nạn, làm 01 người chết. Hành vi đó đã phạm vào tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo chủ động bồi thường cho gia đình bị hại; Bị cáo B là người khuyết tật nặng, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, p khoản 1 Điều 51 BLHS; Mặt khác, Đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS;

Bị cáo V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Bị cáo V giao cho B là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông nhưng với mong muốn giúp đỡ người khuyết tật có thêm thu nhập, giảm bớt khó khăn, phần nào cải thiện thêm cuộc sống, hành vi này chứa đựng tính nhân văn, tinh thần nhân đạo: “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đều có nơi cư trú rõ ràng.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết một người. Nhưng về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong vụ án này bị cáo B có đến 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS (điểm b, s, p khoản 1 Điều 51 BLHS); bị cáo V có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của BLHS và cả 02 bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS như đã phân tích nêu trên; Nên cần căn cứ khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo B, áp dụng hình phạt dưới mức

thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo B đã phạm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, xử phạt bị cáo B V hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để xử phạt bị cáo V cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo đều có khó khăn về kinh tế do đó miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Hai bên đã bồi thường xong, Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Cần tịch thu tiêu hủy đối với chiếc xe ba gác tự chế, không có số khung, số máy, không được lưu hành nên không có giá trị sử dụng.

[9] Về án phí: Miễn án phí hình sự cho bị cáo B vì bị cáo là người khuyết tật và thuộc hộ nghèo; bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc B phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”;

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ của người hưởng án treo từ 02 lần trở lên theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự thì có thể bị Tòa án quyết định buộc chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho người đó hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2. Tuyên bố bị cáo Võ V phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường độ*”.

Xử phạt bị cáo Võ V 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xe ba gác tự chế, không có số khung, số máy, theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Về án phí: Buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo B.

Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (09/9/2024), bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn